

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 53/2022/DS-GĐT

Ngày 15-12-2022

V/v “Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản
tặng cho nhà, đất; đòi tài sản và yêu
cầu chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hồng Phúc.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuân;

Ông Ngô Tiến Hùng;

Ông Trần Hồng Hà;

Bà Lương Ngọc Trâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thu Hà - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tối cao.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa:* Ông Vương Văn Bép - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản tặng cho nhà, đất; đòi tài sản và yêu cầu chia di sản thừa kế*”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn ViVi A (Nguyễn Thị Thanh H), sinh năm 1964; cư trú tại: 2600 ***, CA 95111, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1965; cư trú tại: 78B C, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2013 và ngày 18/4/2013).

2. Cụ Nguyễn Văn S (chết năm 2017)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Văn S gồm:

2.1. Bà Nguyễn ViVi A (Nguyễn Thị Thanh H), sinh năm 1964; cư trú tại: 2600 *** CA 95111, USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1965; cư trú tại: 78B C, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 20/11/2018).

2.2. Ông Nguyễn Ngọc N; cư trú tại: 16234 ***Valley C 92708 USA.

2.3. Ông Nguyễn Ngọc S1; cư trú tại: 2527 *** CA 95148 USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Ngọc M, sinh năm 1973 (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2018).

2.4. Bà Nguyễn Thị Ngọc D; cư trú tại: 8372 *** CA 92683 USA.

2.5. Bà Nguyễn Thị Túy V; cư trú tại: 613 *** CA 95111 USA.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1965; cư trú tại: 78B C, phường V, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2019).

2.6. Ông Nguyễn Ngọc D1; cư trú tại: 11272 *** CA 92843 USA.

2.7. Bà Nguyễn Thị Ngọc Y (chết); có con là chị Lê Mai K, sinh năm 1970; cư trú tại: số 141 đường L. H. P, phường P.T, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

2.8. Bà Nguyễn Thị Cẩm T (chết); có chồng là ông T. Eto và hai con là Tr.Eto, Te.Eto; hiện không xác định được nơi cư trú.

- Bị đơn: Chị Lê Mai K, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 141 đường LHP, phường PT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1969; cư trú tại: Số 18 khu phố NĐ, đường X, phường TP, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Đình B, sinh năm 1964; cư trú tại: Số 11 LQĐ, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2014).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Quang T1, sinh năm 1968; cư trú tại: Ô 20 Lô *** HR, xã PĐ, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

2. Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: Số 13 HHT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

3. Ông Phạm Anh T2 (Công chứng viên Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa); địa chỉ: Số 13 đường HHT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

4. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: Số 9A đường THT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

5. Ông Nguyễn Ngọc N; cư trú tại: 16234 *** C 92708 USA.

6. Ông Nguyễn Ngọc S1; cư trú tại: 2527 *** CA 95148 USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S là bà Đỗ Thị Ngọc M, sinh năm 1973; cư trú tại: 47B7 NTT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2018).

7. Bà Nguyễn Thị Ngọc D; cư trú tại: 8372 *** CA 92683 USA.

8. Bà Nguyễn Thị Túy V; cư trú tại: 613 *** CA 95111 USA.

9. Ông Nguyễn Ngọc D1; cư trú tại: 11272 *** CA 92843 USA.

10. Bà Nguyễn Thị Ngọc Y (chết); có con là chị Lê Mai K, sinh năm 1970; cư trú tại: Số 141 đường LHP, phường PT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

11. Bà Nguyễn Thị Cẩm T (chết); có chồng là ông T.Eto và hai con là Tr.Eto, Te.Eto; hiện không xác định được nơi cư trú.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 10/4/2013, Đơn kiện bổ sung ngày 18/4/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn là bà Nguyễn ViVi A và cụ Nguyễn Văn S (chết ngày 24/12/2017, có các con là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) trình bày:

Nhà đất số 57 đường MXT, phường VH, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa do vợ chồng cụ Trần Thị N1, cụ Nguyễn Văn S tạo lập (đất có nguồn gốc do cụ N1 nhận chuyển nhượng của cụ Mai Kim C theo Giấy đoạn mãi đất ngày 27/4/1959). Cụ S, cụ N1 có 08 người con chung là bà Nguyễn Ngọc Y, ông Nguyễn Ngọc N, ông Nguyễn Ngọc S1, bà Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Túy V, ông Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn ViVi A, bà Nguyễn Thị Cẩm T. Vợ chồng cụ S và các con định cư tại Mỹ nên từ năm 1992 có nhờ cháu ngoại là chị Lê Mai K trông nom nhà cửa và đứng ra làm thủ tục hợp thức hóa nhà đất số 57 MXT. Năm 2012 cụ N1 chết, không có di chúc. Năm 2013, cụ S khởi kiện chị K yêu cầu trả lại nhà, đất số 57 MXT; bà Nguyễn ViVi A khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ N1 để lại là 1/2 giá trị nhà đất số 57 MXT.

Ngày 24/12/2017, cụ S chết, để lại di chúc lập ngày 09/11/2015 có nội dung phân chia tài sản thuộc phần của cụ S làm ba phần: 1/3 tài sản để chi phí hậu sự cho cụ S; 1/3 tài sản dành cho bà Nguyễn Thị Túy V; 1/3 tài sản dành cho bà Nguyễn Thị Ngọc D. Ngày 15/5/2018, bà V và bà D đều có văn bản từ chối nhận tài sản theo di chúc của cụ S và đồng ý chia toàn bộ di sản theo pháp luật.

Bị đơn là chị Lê Mai K trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà đất số 57 MXT, thống nhất về hàng thừa kế, những người thừa kế của cụ S, cụ N1. Chị K cho rằng cụ S và cụ N1 đã có Văn bản thỏa thuận ngày 12/3/2008 và ngày 06/3/2009 về việc tặng cho chị toàn bộ nhà đất số 57 MXT. Việc tặng cho này hoàn toàn hợp pháp và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, chị không đồng ý

với yêu cầu khởi kiện đòi tài sản của nguyên đơn là cụ Nguyễn Văn S và bà Nguyễn ViVi A.

Đối với yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế của cụ S và cụ N1, nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thì chị yêu cầu được nhận phần tài sản của bà Nguyễn Thị Ngọc Y vì chị là con duy nhất của bà Y. Chị cũng yêu cầu Tòa án xem xét công sức đóng góp, quản lý của chị đối với di sản thừa kế, chị đã chi phí sửa chữa căn nhà là 118.254.000 đồng nhưng chị không yêu cầu thanh toán chi phí này.

Đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Nguyễn Hữu P, chị đồng ý tiếp tục thực hiện cam kết chuyển nhượng nhà đất số 57 MXT theo thỏa thuận đã ký với anh P.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là anh Nguyễn Hữu P (đại diện theo ủy quyền là ông Trương Đình B) trình bày:

Anh P và chị K có thỏa thuận tại Văn bản thỏa thuận số 567 ngày 16/8/2010 và Văn bản thỏa thuận số 804 ngày 16/11/2010 có nội dung chị K cam kết chuyển nhượng cho anh P nhà đất 57 MXT với giá 3.000.000.000 đồng, anh P đã giao cho chị K số tiền 2.950.000.000 đồng. Anh P không đòi chị K trả lại tiền, trường hợp Tòa án xác định nhà đất số 57 MXT thuộc quyền sở hữu, sử dụng của chị K thì anh yêu cầu chị K tiếp tục thực hiện các nội dung cam kết trong các văn bản thỏa thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:

1. *Những người con của cụ S, cụ N1 gồm:* Ông Nguyễn Ngọc S1, ông Nguyễn Ngọc N, ông Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị Ngọc D, bà Nguyễn Thị Túy V thống nhất như nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn.

2. *Ông Trần Quang T1 trình bày:* Năm 2008, cụ N1 có tặng cho ông nhà đất tại địa chỉ số 57 MXT nhưng ông đã từ chối không nhận tài sản nêu trên và không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2019/DS-ST ngày 15/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa quyết định:

1- *Xác định nhà đất 57 MXT có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị N1.*

2- *Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn S và bà Nguyễn ViVi A về việc: Hủy “Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa cụ Trần Thị N1 với chị Lê Mai K lập ngày 12/3/2008; Hủy “Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa cụ Nguyễn Văn S với chị Lê Mai K lập ngày 06/3/2009; Yêu cầu đòi tài sản và yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn S, cụ Trần Thị N1 là nhà đất tại 57 MXT.*

3- *Chị Lê Mai K được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền trên đất tại 57MXT. Chị Lê Mai K được nhận số tiền đền bù giải tỏa là 328.013.400*

đồng. Trung tâm phát triển quỹ đất có nghĩa vụ chi trả 323.558.399 đồng và Ban quản lý dự án có nghĩa vụ chi trả 4.455.001 đồng cho chị Lê Mai K theo “Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa cụ Trần Thị N1 với chị Lê Mai K lập ngày 12/3/2008 và “Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa cụ Nguyễn Văn S với chị Lê Mai K lập ngày 06/3/2009.

4 - Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu P. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Mai K và anh Nguyễn Hữu P tiếp tục thực hiện “Văn bản thỏa thuận về việc nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 57 MXT” ngày 16/8/2010.

Ngày 21/8/2019, bà Nguyễn Thị Thanh H1 (đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn V. V) có đơn kháng cáo;

Ngày 27/8/2019, bà Đỗ Thị Ngọc M (đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc S) có đơn kháng cáo;

Ngày 26/9/2019, ông Nguyễn Ngọc D1, bà Nguyễn Thị Túy V, bà Nguyễn Thị Ngọc D có đơn kháng cáo.

Tại Quyết định số 310/QĐKNPT-DS ngày 29/8/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 202/2020/DS-PT ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm như sau:

1- Xác định nhà đất số 57 MXT có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn S và cụ Trần Thị N1.

2- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn S và bà Nguyễn ViVi A về việc hủy “Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa cụ Trần Thị N1 với chị Lê Mai K lập ngày 12/3/2008 và “Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa cụ Nguyễn Văn S với chị Lê Mai K lập ngày 06/3/2009; yêu cầu đòi tài sản và yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Văn S, cụ Trần Thị N1 là căn nhà đất tại 57 MXT.

3- Chị Lê Mai K được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền trên đất tại 57MXT. Chị Lê Mai K được nhận số tiền đền bù giải tỏa là 328.013.400 đồng. Trung tâm phát triển quỹ đất có nghĩa vụ chi trả 323.558.399 đồng và Ban quản lý dự án có nghĩa vụ chi trả 4.455.001 đồng cho chị Lê Mai K theo “Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa cụ Trần Thị N1 với chị Lê Mai K lập ngày 12/3/2008 và “Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giữa cụ Nguyễn Văn S với chị Lê Mai K lập ngày 06/3/2009.

4 - Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu P. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Mai K và anh Nguyễn

Hữu P tiếp tục thực hiện “Văn bản thỏa thuận v/v nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 57 MXT” ngày 16/8/2010.

Tại Quyết định sửa chữa bổ sung bản án phúc thẩm số 35/QĐ-SCBSBA ngày 24/12/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bổ sung mục “4” phần Quyết định của Bản án dân sự phúc thẩm số 202/2020/DS-PT ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng như sau:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hữu P. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Mai K và anh Nguyễn Hữu P tiếp tục thực hiện “Văn bản thỏa thuận v/v nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 57 MXT” ngày 16/8/2010: Chị Lê Mai K chuyển nhượng nhà đất tại 57 MXT cho anh Nguyễn Hữu P.

Ngày 21/10/2021, chị Lê Mai K có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị số 51/2022/KN-DS ngày 22/9/2022, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 202/2020/DS-PT ngày 25/9/2020 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án phúc thẩm số 35/QĐ-SCBSBA ngày 24/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nhà đất tại số 57 MXT do vợ chồng cụ Nguyễn Văn S, cụ Trần Thị N1 tạo lập từ năm 1959. Ngày 12/3/2008, cụ Trần Thị N1 và chị Lê Mai K ký Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) với nội dung cụ N1 đồng ý cho chị K toàn bộ nhà đất tại số 57 MXT, có chứng nhận của Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa. Ngày 06/3/2009, cụ Nguyễn Văn S và chị K ký Văn bản thỏa thuận về việc cho tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) với nội dung cụ S đồng ý cho chị K toàn bộ nhà đất tại số 57 MXT, có chứng nhận của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa. Thực tế, chị K đã quản lý, sử dụng nhà đất trên từ năm 1994.

[2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đã quyết định: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc hủy các văn bản thỏa thuận việc cho tài sản nêu trên, về yêu cầu đòi tài sản, chia thừa kế di sản (nhà đất nêu trên); công nhận chị K được quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất tại số 57 MXT và được nhận số tiền đền bù giải tỏa khi Nhà nước thu hồi một phần đất. Sau khi Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, các

thừa kế của vợ chồng cụ S, cụ N1 không có đơn đề nghị giám đốc thẩm về các nội dung nêu trên.

[3] Thực tế, tại Văn bản thỏa thuận (về việc nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 57 MXT) ngày 16/8/2010, thể hiện chị K thống nhất chuyển nhượng nhà đất trên cho anh Nguyễn Hữu P với giá 3.000.000.000 đồng, anh P đã giao 2.000.000.000 đồng cho chị K, với cam kết hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Khánh Hòa trong vòng 7 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và văn bản này chỉ có giá trị làm bằng chứng việc nhận tiền chuyển nhượng nhà đất, không có giá trị thay thế các giấy tờ, thủ tục khác theo quy định hiện hành về chuyển quyền sử dụng đất. Tại Tòa án, anh P đề nghị chị K tiếp tục thực hiện thỏa thuận nêu trên, được chị K đồng ý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện của chị K và anh P tiếp tục thực hiện Văn bản thỏa thuận (về việc nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 57 MXT) ngày 16/8/2010 là có cơ sở.

[4] Tuy nhiên, tại Quyết định sửa chữa bổ sung bản án phúc thẩm số 35/QĐ-SCBSBA ngày 24/12/2020, Tòa án cấp phúc thẩm lại quyết định bổ sung thêm nội dung: *chị Lê Mai K chuyển nhượng nhà đất tại 57 MXT, VH, NT cho anh Nguyễn Hữu P*, trong khi hai bên không có thỏa thuận này là vi phạm tố tụng được quy định tại Điều 268 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thực tế, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ Bản án phúc thẩm và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án nêu trên để quyết định buộc chị K thực hiện việc chuyển nhượng nhà đất tại số 57 MXT cho anh P, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của chị K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 51/2022/KN-DS ngày 22/9/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 202/2020/DS-PT ngày 25/9/2020 và Quyết định sửa chữa bổ sung bản án phúc thẩm số 35/QĐ-SCBSBA ngày 24/12/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về vụ án “*Tranh chấp yêu cầu hủy văn bản tặng cho nhà, đất; đòi tài sản và yêu cầu chia di sản thừa kế*”, giữa nguyên đơn là bà Nguyễn ViVi A, cụ Nguyễn Văn S với bị đơn là chị Lê Mai K và 12 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng (kèm hồ sơ vụ án);
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ II (2b), VP TANDTC, HS, TP chủ tọa.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hồng Phúc